QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 222/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT
Về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc thành lập, hoạt động, quản lý, giám sát và các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính quốc tế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, các nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập theo Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trung tâm tài chính quốc tế* là khu vực có ranh giới địa lý xác định do Chính phủ thành lập đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng, tập trung hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ, được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. *Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi là Thành viên) là chủ thể được ghi nhận là Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế theo hình

thức đăng ký hoặc được công nhận Thành viên hoặc được cấp giấy phép thành lập, hoạt động theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp tái bảo hiểm;

b) Quỹ đầu tư và quản lý tài sản;

c) Tổ chức hạ tầng thị trường;

d) Tổ chức công nghệ tài chính và tài sản số;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ;

e) Tổ chức phi tài chính;

g) Các chủ thể khác theo quy định của Chính phủ.

3. *Dịch vụ tài chính* là các hoạt động và dịch vụ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc huy động, phân bổ và quản lý nguồn lực tài chính, do các tổ chức tài chính hoặc chủ thể khác cung cấp theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. *Dịch vụ hỗ trợ* là các hoạt động và các dịch vụ phi tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ, bổ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hoặc nâng cao hiệu quả cho các hoạt động tài chính và hoạt động liên quan khác tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

5. *Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi là Cơ quan điều hành) là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quốc tế, ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền; tổ chức thực thi các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của Chính phủ.

6. *Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi là Cơ quan giám sát) là cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng giám sát hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế, có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị quyết này, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và thông lệ quốc tế.

7. *Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế* (sau đây gọi là Trung tâm trọng tài quốc tế) là tổ chức trọng tài độc lập thuộc Trung tâm tài chính quốc tế cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải thương mại cho các bên liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy tắc và quy định do Trung tâm trọng tài quốc tế ban hành.

8. *Nhà đầu tư chiến lược* là Thành viên đáp ứng tiêu chí về ngành nghề kinh doanh, năng lực tài chính, uy tín và có cam kết đầu tư lâu dài tại Trung tâm tài chính quốc tế.

9. *Chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát* là cơ chế cho phép thử nghiệm các mô hình kinh doanh, công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế trong phạm vi và thời gian xác định, có sự giám sát đặc biệt của Cơ quan điều hành.

10. *Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp tại Trung tâm tài chính quốc tế* gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; phái sinh tài chính; quản lý quỹ; bảo hiểm, tái bảo hiểm; ngân hàng và ngoại hối; tài chính xanh; tín chỉ các-bon; công nghệ tài chính, tài sản số và các sản phẩm, dịch vụ khác do Chính phủ quy định.

Điều 4. Mục tiêu phát triển Trung tâm tài chính quốc tế

1. Trung tâm tài chính quốc tế đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng được xây dựng trên cơ sở thống nhất về hoạt động, quản lý, giám sát; có định hướng phát triển sản phẩm riêng biệt, phát huy thế mạnh của từng thành phố; bảo đảm sự công bằng, tương hỗ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu, nâng tầm vị thế của Việt Nam trong mạng lưới tài chính toàn cầu gắn với động lực tăng trưởng kinh tế.

2. Thúc đẩy tài chính bền vững, khuyến khích phát triển các sản phẩm tài chính xanh và huy động nguồn lực cho các dự án chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi xanh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3. Trung tâm tài chính quốc tế vận hành theo các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, kết nối với các thị trường và trung tâm tài chính lớn trên thế giới, tạo điều kiện liên kết các sàn giao dịch trong nước với quốc tế, thúc đẩy dòng vốn đầu tư và phát triển dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ.

4. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia tài chính trong nước và nước ngoài; tạo môi trường làm việc và sinh sống thuận lợi cho chuyên gia, doanh nhân quốc tế tại Trung tâm tài chính quốc tế.

5. Việc phát triển Trung tâm tài chính quốc tế phải bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người dân trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an toàn tài chính, an ninh kinh tế, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 5. Nguyên tắc thành lập, hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Chủ thể đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này áp dụng trong phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế được quy định tại Nghị định của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc hoạt động của các Thành viên:

a) Hoạt động hiệu quả, minh bạch, liêm chính;

b) Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tài chính, dịch vụ hỗ trợ;

c) Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động của các Thành viên.

4. Hoạt động quản lý nhà nước trong Trung tâm tài chính quốc tế phải bảo đảm sự độc lập của Trung tâm tài chính quốc tế và các Thành viên.

5. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của Thành viên.

6. Nhà nước có cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi thu hút nguồn vốn, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển kết cấu hạ tầng vào Trung tâm tài chính quốc tế nhằm:

a) Tạo môi trường hấp dẫn cho đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính để thúc đẩy thu hút đầu tư và tự do di chuyển nguồn vốn quốc tế giữa Trung tâm tài chính quốc tế và thế giới;

b) Phát triển thị trường chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động ngân hàng, công nghệ tài chính, tài sản số, hàng hóa, thương mại điện tử tại Việt Nam và hội nhập với thị trường quốc tế;

c) Thu hút, phát triển đổi mới sáng tạo, dịch vụ tài chính hỗ trợ các dự án xanh, bền vững tại Việt Nam; phát triển dịch vụ tài chính và dịch vụ hỗ trợ theo thông lệ quốc tế;

d) Thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính và dịch vụ chuyên môn có liên quan theo tiêu chuẩn quốc tế.

7. Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát được tổ chức tinh gọn, có thẩm quyền phù hợp, hiệu lực, hiệu quả; được áp dụng thủ tục hành chính đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân theo quy định của Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, phù hợp thông lệ quốc tế, điều kiện Việt Nam.

Điều 6. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế được điều chỉnh bởi:

a) Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

b) Pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp các văn bản quy định tại điểm a khoản này không quy định.

2. Lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài trong giao dịch đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế:

a) Đối với giao dịch có ít nhất một bên tham gia là cá nhân, tổ chức nước ngoài, các bên trong giao dịch được thỏa thuận lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài đối với giao dịch đó. Pháp luật nước ngoài không được áp dụng trong trường hợp hậu quả của việc áp dụng trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng thì pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với giao dịch đó được áp dụng;

b) Đối với các giao dịch liên quan đến quyền sở hữu, quyền khác đối với bất động sản, thuê bất động sản hoặc sử dụng bất động sản làm tài sản bảo đảm, pháp luật của nước nơi có bất động sản sẽ được áp dụng.

3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật:

a) Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung của Nghị quyết này được áp dụng trong trường hợp có nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề;

b) Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn hoặc thuận lợi hơn đối với Thành viên so với quy định tại Nghị quyết này thì Thành viên được áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hơn hoặc thuận lợi hơn tại các luật, nghị quyết được ban hành sau;

c) Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

4. Quy chế hoạt động do Cơ quan điều hành ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị quyết này được ưu tiên áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Quy chế hoạt động đó.

5. Nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và ngăn chặn các yếu tố có thể đe dọa an ninh quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế có thể đưa ra các biện pháp hạn chế đối với Thành viên.

6. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ được ban hành Nghị định xử lý các vấn đề phát sinh khác với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và báo cáo Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp, phiên họp gần nhất. Chính phủ ban hành Nghị định phải bảo đảm tuân thủ quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích người dân, doanh nghiệp, bảo đảm điều kiện thực thi và chịu trách nhiệm về các quy định ban hành.

Điều 7. Ngôn ngữ áp dụng tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Ngôn ngữ chính thức trong quá trình giao dịch, hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

2. Các quy định, quy chế trong Trung tâm tài chính quốc tế được ban hành bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

3. Tài liệu thống kê, tài chính, kỹ thuật và các tài liệu khác được lưu trữ tại Trung tâm tài chính quốc tế bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

4. Thủ tục hành chính, giao dịch giữa các Thành viên, giao dịch giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân nước ngoài và giải quyết tranh chấp được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt.

Chương II

THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ VẬN HÀNH TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 8. Thành lập Trung tâm tài chính quốc tế

1. Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Việc thành lập Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, mục tiêu và định hướng phát triển Trung tâm tài chính quốc tế; lộ trình và kế hoạch phát triển ở từng thành phố;

b) Vị trí, địa giới hành chính, diện tích Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Cơ cấu tổ chức Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 9 của Nghị quyết này;

đ) Danh mục ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế;

e) Cơ chế, chính sách đặc thù đối với Trung tâm tài chính quốc tế thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ;

g) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 9. Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm:

a) Cơ quan điều hành có chức năng quản lý, điều hành trực tiếp mọi hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Cơ quan giám sát có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong hoạt động tài chính tại Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Cơ quan giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế:

c1) Tòa án chuyên biệt được thành lập theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

c2) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, được thành lập theo quy định tại Luật Trọng tài thương mại, có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận của các bên tranh chấp, trừ các tranh chấp có liên quan đến việc thực hiện quyền lực của Nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động độc lập trong việc thực hiện quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Cơ quan điều hành được ban hành Quy chế hoạt động hoặc văn bản tương đương khác để quy định cụ thể về tổ chức và vận hành Trung tâm tài chính quốc tế. Các quy định này phải phù hợp với Hiến pháp, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, tuân thủ thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc, chính sách cơ bản quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Nghị quyết này, có giá trị áp dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết này.

4. Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế.

Chương III

THÀNH VIÊN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 10. Đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách thành viên

1. Các tổ chức, doanh nghiệp được đăng ký làm Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế khi đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và có

lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

2. Hiện diện tại Trung tâm tài chính quốc tế của các chủ thể sau đây có quyền đề nghị được công nhận làm Thành viên mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký:

a) Tổ chức tài chính, quỹ đầu tư hoặc doanh nghiệp thuộc danh sách Fortune Global 500 do Tạp chí Fortune công bố tại thời điểm đăng ký, hoặc công ty mẹ trực tiếp của các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp này, trừ các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm;

b) Các tổ chức tài chính thuộc nhóm mười doanh nghiệp hàng đầu trong nước về vốn điều lệ trong từng lĩnh vực tương ứng, trừ lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

3. Nhà đầu tư phải thành lập pháp nhân là Thành viên tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nhà đầu tư là ngân hàng nước ngoài, ngân hàng thương mại trong nước phải thành lập hiện diện tại Trung tâm tài chính quốc tế theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị quyết này.

5. Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải thành lập hiện diện dưới hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các tổ chức này chỉ được cung cấp dịch vụ tại Trung tâm tài chính quốc tế và nước ngoài. Việc cấp phép thành lập, phạm vi hoạt động, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của tổ chức nêu trên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phải thành lập hiện diện dưới hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Bộ Tài chính cấp. Việc cấp phép thành lập, phạm vi hoạt động, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của tổ chức nêu trên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

7. Thành viên được cấp mã số định danh riêng và được ghi nhận vào Sổ đăng ký Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế. Mã số định danh có giá trị tương đương với mã số doanh nghiệp theo Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp.

8. Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên do Cơ quan điều hành xây dựng, quản lý và vận hành, bao gồm Cổng thông tin đăng ký thành viên và Cơ sở dữ liệu về thành viên, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan có liên quan để đơn giản hoá thủ tục hành chính trong Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 11. Quyền của Thành viên và nhà đầu tư nước ngoài

1. Quyền của Thành viên:

a) Được thành lập công ty quản lý vốn (công ty holding) để huy động vốn từ nước ngoài và quản lý đầu tư, trừ trường hợp Thành viên là ngân hàng thương mại;

b) Được huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú mà không phải thực hiện thủ tục cấp phép với cơ quan quản lý nhà nước nhưng phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của Chính phủ;

c) Khoản nợ của Thành viên với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam không tính vào nợ nước ngoài của quốc gia trong điều hành, giám sát các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài;

d) Được quyền tự do tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh với tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam, người không cư trú hoặc với Thành viên khác theo giấy phép hoặc đăng ký được cấp cho Thành viên đó theo quy định tại Nghị quyết này và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng khi được cấp phép thành lập mới tại Trung tâm tài chính quốc tế thì Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên;

e) Thành viên được lựa chọn áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (Chuẩn mực kế toán hoặc Chuẩn mực báo cáo tài chính) của các quốc gia: Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Ca-na-đa, các quốc gia thành viên liên minh châu Âu, Hồng Kông (Trung Quốc), Nhật Bản, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nga, Xinh-ga-po, Thụy Sỹ, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trường hợp các chủ thể đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán khác với Chuẩn mực kế toán Việt Nam thì không phải lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam;

g) Các quyền khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Nhà đầu tư nước ngoài:

a) Được sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hoặc phần vốn góp của Thành viên;

b) Được phép thành lập tổ chức kinh tế trong Trung tâm tài chính quốc tế mà không cần phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án trong Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. Sau khi được

thành lập, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Không phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của pháp luật về đầu tư khi thực hiện hoạt động góp vốn, mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp của Thành viên; chỉ thực hiện thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, trừ lĩnh vực ngân hàng.

Điều 12. Nghĩa vụ của Thành viên

1. Tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Thành viên và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế; lập, nộp và công khai báo cáo tài chính; kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin theo thông lệ quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các chuẩn mực quốc tế về quản trị tài chính.

3. Hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam; từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật liên quan khác.

Chính phủ quy định cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam và từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế; cơ chế đặc thù đối với điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh.

4. Tuân thủ quy chế của Sở giao dịch hàng hóa được thành lập tại Trung tâm tài chính quốc tế về quy trình phát hành, niêm yết, giao dịch, mua lại, chuyển nhượng các công cụ tài chính khác niêm yết trên Sở giao dịch hàng hóa. Điều lệ và các quy tắc hoạt động của Sở giao dịch hàng hoá tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

5. Bảo đảm tiêu chuẩn thành viên trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn thành viên thì phải thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách thành viên.

6. Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật dữ liệu được công bố, thừa nhận áp dụng tại Việt Nam. Thành viên phải xây dựng hệ thống an toàn thông tin, mã hoá dữ liệu tài chính; chịu trách nhiệm báo cáo sự cố lộ thông tin cho Cơ quan điều hành trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Chương IV
CÁC SÀN GIAO DỊCH VÀ NỀN TẢNG GIAO DỊCH TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 13. Thành lập các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế trong các lĩnh vực sau:

1. Giao dịch hàng hóa và phái sinh hàng hóa;

2. Giao dịch tín chỉ các-bon;

3. Giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật;

4. Giao dịch kim loại quý hiếm;

5. Giao dịch sản phẩm tài chính xanh;

6. Các giao dịch và loại hình nền tảng giao dịch mới khác theo nhu cầu phát triển.

Điều 14. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

1. Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, minh bạch; khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

2. Việc tổ chức và hoạt động của các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về giao dịch, thanh toán, công bố thông tin và quản trị rủi ro.

3. Các tổ chức thành lập sàn giao dịch, nền tảng giao dịch có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ về niêm yết, giao dịch, thanh toán, quản lý tài sản và thành viên phù hợp với đặc điểm của từng loại hình giao dịch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thành viên đáp ứng điều kiện tham gia sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giao dịch theo quy định của sàn giao dịch, nền tảng giao dịch.

Điều 15. Cơ chế quản lý, giám sát, chính sách ưu đãi đối với các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch

Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập theo quy định của Nghị quyết này và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên các sàn giao dịch, nền

tảng giao dịch này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V
CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ÁP DỤNG TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 16. Chính sách ngoại hối

1. Việc sử dụng ngoại tệ của Thành viên thực hiện theo quy định sau:

a) Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động và dịch vụ giữa các Thành viên với nhau được sử dụng ngoại tệ theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

b) Việc thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá đối với các hoạt động và dịch vụ giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài được sử dụng ngoại tệ;

c) Việc sử dụng ngoại tệ trong các hoạt động và dịch vụ giữa Thành viên với tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thành viên được vay vốn bằng ngoại tệ từ các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và phải thực hiện chế độ báo cáo, khai báo thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên chỉ được vay vốn bằng ngoại tệ từ các Thành viên là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết này.

4. Thành viên được cho các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên vay bằng ngoại tệ. Tổ chức là bên đi vay tại khoản này có trách nhiệm tuân thủ quy định về điều kiện, đối tượng, mục đích, thủ tục đăng ký khoản vay.

5. Việc chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện bằng ngoại tệ, thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ đứng tên nhà đầu tư nước ngoài mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế.

6. Việc chuyển tiền giữa các Thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Thành viên.

7. Khi chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư, cho vay từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài:

a) Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quản lý ngoại hối, nhưng phải thực hiện đầy đủ các quy định về việc mở tài khoản, chế độ báo cáo;

b) Thành viên không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối áp dụng đối với đầu tư và cho vay của Việt Nam ra nước ngoài.

8. Việc chuyển tiền của tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải là Thành viên để thực hiện hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính quốc tế và việc chuyển tiền để thực hiện hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 17. Chính sách về hoạt động ngân hàng

1. Thành viên được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế để thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng dưới các hình thức sau:

a) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng về chuẩn mực kế toán; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; một số giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn.

Trường hợp chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 thì ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam về chuẩn mực kế toán; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn.

3. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về chuẩn mực kế toán; phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn.

4. Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước, ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn

nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Việc cấp phép thành lập, tổ chức, phạm vi, nội dung hoạt động và các vấn đề liên quan khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Thành viên thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 18. Chính sách tài chính, phát triển thị trường vốn

1. Quy định đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:

a) Được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Cơ quan điều hành;

b) Được huy động vốn bằng cơ chế gọi vốn cộng đồng hoặc cơ chế chào bán riêng lẻ thông qua nền tảng huy động vốn của tổ chức được Cơ quan điều hành cấp phép theo hướng dẫn của Chính phủ. Tổ chức trong nước và nước ngoài được tham gia vào hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Được áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, bao gồm ưu đãi về thuế. Tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được áp dụng các quy định ưu đãi về thuế;

d) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

2. Phát triển thị trường tài chính xanh:

a) Các sản phẩm tài chính được cấp chứng nhận xanh khi đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Cơ quan điều hành và được phát hành, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh, nhà đầu tư sản phẩm tài chính xanh được áp dụng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, bao gồm ưu đãi về thuế;

c) Tổ chức phát hành sản phẩm tài chính xanh phải tuân thủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

3. Thành viên được áp dụng quy trình, thủ tục và triển khai các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm theo quy trình, thủ tục đơn giản.

4. Chính phủ xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM) theo thông lệ quốc tế và tiêu chuẩn của các trung tâm tài chính trên thế giới.

Điều 19. Chính sách thuế áp dụng cho Trung tâm tài chính quốc tế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ việc thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung

tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới phát sinh tại địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế không thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời gian 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo;

c) Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng điều kiện được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khác nhau đối với cùng một dự án đầu tư thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có lợi nhất. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng thì áp dụng ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Việc xác định thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thời gian được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thuế thu nhập cá nhân

a) Nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm người Việt Nam và người nước ngoài được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có được từ thực hiện công việc tại Trung tâm tài chính quốc tế đến hết năm 2030;

b) Cá nhân có khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào Thành viên được miễn thuế thu nhập cá nhân đến hết năm 2030;

c) Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện để xác định nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, người có trình độ chuyên môn cao được hưởng ưu đãi thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản này.

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài hoặc nhập khẩu từ nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng mức thuế suất và thủ tục thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

4. Doanh nghiệp, cá nhân tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện đăng ký, kê khai, quyết toán các loại thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Việc xác định thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

Điều 20. Chính sách về xuất nhập cảnh, cư trú, lao động đối với chuyên gia, nhà quản lý và nhà đầu tư

1. Thị thực và cư trú cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà đầu tư

a) Cấp thị thực, thẻ tạm trú thời hạn đến 10 năm cho người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc cho cơ quan, tổ chức có trụ sở trong Trung tâm tài chính quốc tế (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ1) và thành viên gia đình đi cùng (ký hiệu thị thực, thẻ tạm trú là UĐ2);

b) Người nước ngoài là nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại cơ quan, tổ chức có trụ sở tại Trung tâm tài chính quốc tế được xem xét cấp thẻ thường trú theo đề nghị của Cơ quan điều hành để cư trú lâu dài tại Việt Nam; được hưởng chính sách thuận lợi về thủ tục cấp thẻ thường trú so với quy định chung;

c) Chính phủ quy định tiêu chí xác định người nước ngoài thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi nêu tại điểm a và điểm b khoản này và cơ quan thẩm định.

2. Xuất cảnh, nhập cảnh

a) Cơ quan điều hành phối hợp với Bộ Công an và Bộ Ngoại giao thiết lập cơ chế "một cửa" hỗ trợ nhanh chóng thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh cho nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng quốc tế đến làm việc, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Thiết lập khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh ưu tiên tại các sân bay quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng cho đối tượng thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, cấp thẻ nhận diện chuyên gia Trung tâm tài chính quốc tế để sử dụng lối đi riêng, rút ngắn thời gian làm thủ tục.

3. Giấy phép lao động

Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được miễn giấy phép lao động nếu đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định của Chính phủ hoặc Cơ quan điều hành.

Điều 21. Chính sách về lao động, việc làm và an sinh xã hội

1. Tuyển dụng lao động

a) Thành viên được chủ động tuyển dụng lao động, bao gồm cả lao động nước ngoài, theo nhu cầu công việc mà không bị giới hạn tỷ lệ lao động nước ngoài, không phải thực hiện thủ tục xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài và không phải thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài thực hiện theo quy trình rút gọn.

2. Tiền lương và đãi ngộ

a) Thành viên được quyết định chế độ tiền lương, thưởng và các khoản đãi ngộ khác cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng lao động;

b) Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính; được phép thực hiện ký hợp đồng thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận mức lương và công việc được giao;

c) Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát được xác định theo cơ chế thị trường. Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát hướng dẫn thực hiện quy định này;

d) Cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài làm việc tại Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát được tạo điều kiện bố trí nhà ở công vụ hoặc hỗ trợ chi phí thuê nhà ở trong thời gian công tác;

đ) Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ nguồn thu thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện quy định tại điểm c và điểm d khoản này.

3. Phát triển kỹ năng và nhân lực

a) Nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Doanh nghiệp trong Trung tâm tài chính quốc tế được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho người lao động Việt Nam làm việc cho dự án đầu tư mới và mở rộng tại Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí đào tạo nhân lực trình độ đại học trở lên phục vụ nhu cầu của Trung tâm tài chính quốc tế trong thời gian 04 năm tính từ năm 2026;

d) Cơ quan điều hành, Cơ quan giám sát xác định nhu cầu, đối tượng người lao động cần thu hút; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định tiêu chí cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nhận hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; quyết định mức hỗ trợ chi phí đào tạo nguồn nhân lực quy định tại điểm b và điểm c khoản này theo từng giai đoạn;

đ) Ngân sách hỗ trợ quy định tại khoản này do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng bố trí trong ngân sách địa phương.

4. An sinh xã hội cho người lao động

a) Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Người lao động Việt Nam và người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế được tham gia các chương trình bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Người lao động nước ngoài đã tham gia chương trình an sinh xã hội tương tự tại các quốc gia, vùng lãnh thổ ở nước ngoài được miễn một phần nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam;

c) Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định việc dành quỹ đất và ngân sách để đầu tư phát triển khu nhà ở cho người lao động gần khu vực Trung tâm tài chính quốc tế, bảo đảm điều kiện sống thuận lợi để người lao động yên tâm làm việc.

Điều 22. Chính sách đất đai tại Trung tâm tài chính quốc tế

1. Dự án đầu tư trong phạm vi Trung tâm tài chính quốc tế thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển hoặc có quy mô lớn được giao đất, cho thuê đất với thời hạn tối đa là 70 năm. Đối với dự án thuộc lĩnh vực khác, thời hạn sử dụng đất tối đa là 50 năm. Khi hết thời hạn, trường hợp người sử dụng đất có nhu cầu tiếp tục sử dụng và chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất sạch trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế để giao hoặc cho nhà đầu tư thuê thực hiện dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển. Trường hợp dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng tại Trung tâm tài chính quốc tế theo phương thức đối tác công tư (PPP), Nhà nước giao mặt bằng sạch để thực hiện dự án và đầu tư các công trình hạ tầng kết nối tới dự án.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với dự án trong ranh giới Trung tâm tài chính quốc tế

a) Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thế chấp quyền sử dụng đất đối với đất giao hoặc cho thuê trả tiền thuê đất một lần và tài sản gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay vốn đầu tư. Việc giải quyết tranh chấp về bất động sản, thế chấp này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Khi xử lý tài sản thế chấp, bên nhận thế chấp chỉ được thực hiện quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng được phép nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài gắn liền với quyền sử dụng đất của dự án nhà ở đó được xác định tương ứng với hình thức giao đất, cho thuê đất của dự án đầu tư xây dựng bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về đất đai.

Điều 23. Chính sách về xây dựng, môi trường

1. Dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính quốc tế chỉ cần đăng ký công nghệ áp dụng, đăng ký môi trường; không phải thực hiện lập quy hoạch chi tiết, cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng.

2. Trước khi khởi công xây dựng, nhà đầu tư gửi Cơ quan điều hành văn bản thông báo khởi công kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng do nhà đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt;

b) Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện thẩm tra về an toàn công trình, bảo vệ môi trường; sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là cơ sở để cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện các thủ tục hành chính; thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước đối với dự án.

4. Cơ quan điều hành có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện dự án theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vấn đề phát sinh đối với dự án.

Điều 24. Chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát cho dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ (FinTech) và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan điều hành quy định về chính sách tài chính thử nghiệm có kiểm soát và thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định.

2. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ; về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan quản lý và người giám sát thử nghiệm có kiểm soát được miễn trừ trách nhiệm hành chính, kỷ luật và dân sự đối với Nhà nước nếu gây thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thử nghiệm do nguyên nhân khách quan nếu tuân thủ đúng quy trình thử nghiệm. Trường hợp gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác, bên thử nghiệm phải bồi thường theo quy định của pháp luật; được xem xét hỗ trợ một phần chi phí bồi thường từ ngân sách của Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng tùy mức độ thiệt hại và khả năng ngân sách.

4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực FinTech hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế được hưởng các cơ chế ưu đãi như tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia hoặc ưu đãi cao hơn theo quy định của Chính phủ.

5. Doanh nghiệp FinTech được xem xét hỗ trợ kinh phí không hoàn lại từ ngân sách địa phương tuỳ thuộc điều kiện của ngân sách từng địa phương để phát triển dự án thử nghiệm có kiểm soát cho FinTech và đổi mới sáng tạo.

Điều 25. Chính sách ưu đãi theo lĩnh vực

Cơ quan điều hành được ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy một số lĩnh vực trọng tâm sau đây:

1. Tài chính xanh;

2. Tài sản số và FinTech;

3. Thị trường hàng hóa và hàng hoá phái sinh;

4. Lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 26. Chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược

1. Cơ quan điều hành ban hành quy định về tiêu chí và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

2. Nhà đầu tư chiến lược có các quyền sau đây:

a) Được ưu tiên lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư quan trọng để phát triển hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm tài chính quốc tế. Trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng một dự án, nhà đầu tư chiến lược sẽ được ưu tiên;

b) Được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết này;

c) Được tham gia đầu tư, phát triển kinh doanh, quản lý vận hành, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng các dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Được cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư, dịch vụ giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư khác trong Trung tâm tài chính quốc tế và thu phí dịch vụ theo quy định;

đ) Được đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô lớn nhằm hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính quốc tế, bao gồm việc phát triển các khu phức hợp và hệ sinh thái để thu hút tổ chức tài chính, tập đoàn đa quốc gia, chuyên gia, doanh nhân quốc tế đến sinh sống, làm việc tại Trung tâm tài chính quốc tế;

e) Được tham gia cùng cơ quan quản lý trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch phát triển Trung tâm tài chính quốc tế;

g) Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Đảm bảo năng lực tài chính và kinh nghiệm để thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư được giao; cam kết đầu tư lâu dài và hỗ trợ phát triển Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Trường hợp được lựa chọn làm nhà đầu tư của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thì phải hoàn thành đầu tư trong thời hạn không quá 05 năm và không được chuyển nhượng các dự án này trong vòng 10 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư, trừ trường hợp đặc biệt được Chính phủ cho phép;

c) Hỗ trợ quảng bá Trung tâm tài chính quốc tế tại các diễn đàn quốc tế; phối hợp với cơ quan quản lý để thu hút các nhà đầu tư, định chế tài chính đa quốc gia đến Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Cung cấp các dịch vụ cần thiết cho nhà đầu tư thứ cấp theo cam kết.

4. Cơ quan điều hành ký thỏa thuận với từng nhà đầu tư chiến lược để ghi nhận cam kết và các ưu đãi, trách nhiệm tương ứng.

5. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ đầu tư và điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này và bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Chính sách phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

1. Đa dạng nguồn lực đầu tư hạ tầng

a) Trung tâm tài chính quốc tế được ưu tiên vốn đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

b) Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập, hàng năm ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng tương ứng số thu nội địa phần ngân sách trung ương được hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối với Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Nhà đầu tư được ứng trước vốn đầu tư để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác có liên quan thuộc phạm vi ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính quốc tế.

4. Số vốn đầu tư ứng trước của nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này được hoàn trả theo các phương thức như sau:

a) Được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp;

b) Được ngân sách nhà nước chi trả theo quy định.

5. Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị kỹ thuật, công nghệ, giải pháp phần mềm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thông tin, điều hành quản lý và trung tâm dữ liệu lớn của Trung tâm tài chính quốc tế, theo danh mục được Cơ quan điều hành ban hành dựa trên Danh mục hàng hóa trong nước đã sản xuất được do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính quốc tế.

6. Cơ quan điều hành được xúc tiến, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư có năng lực về phương thức thực hiện dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Trung tâm tài chính quốc tế phù hợp với thông lệ quốc tế và trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét, quyết định cho phép thực hiện hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư. Trong một số trường hợp, được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

7. Thủ tục đầu tư công đối với dự án hạ tầng tại Trung tâm tài chính quốc tế

a) Các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Cho phép các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế, dự án hạ tầng phục vụ Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này áp dụng thiết kế xây dựng theo trình tự 01 bước theo quy định của Luật Xây dựng;

c) Cho phép áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

8. Thủ tục đầu tư theo phương thức PPP đối với dự án hạ tầng tại Trung tâm tài chính quốc tế

a) Các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết này không phải quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước thì không phải thực hiện thủ tục giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Cho phép áp dụng các loại hợp đồng, kết hợp các loại hợp đồng BOT, BOO, BTL, O&M và các loại hợp đồng khác theo quy định của pháp luật về PPP để thúc đẩy đầu tư công - quản lý tư, đầu tư tư - sử dụng công;

c) Cho phép áp dụng phương thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP của Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Cho phép tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án; được áp dụng cơ chế chia sẻ giảm doanh thu mà không phải thực hiện điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng; được miễn chia sẻ tăng doanh thu trong 3 năm kể từ thời điểm có doanh thu;

đ) Nhà đầu tư PPP được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cho phép áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với các dự án hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

Điều 28. Chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối hàng hóa, dịch vụ

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra, vào Trung tâm tài chính quốc tế được áp dụng thủ tục hành chính như đối với hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.

2. Các Thành viên được phép đăng ký tờ khai, làm thủ tục hải quan, thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với tất cả các loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phục

vụ sản xuất, tiêu dùng trong Trung tâm tài chính quốc tế, trừ hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu, hàng hoá chưa được phép lưu hành, sử dụng tại Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chính sách ưu đãi đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa, dịch vụ trong Trung tâm tài chính quốc tế và giao dịch phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch phái sinh hàng hóa tại Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 29. Chính sách về phí, lệ phí

1. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm: phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

2. Sau khi khấu trừ chi phí hoạt động của các Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát, tất cả các khoản thu phí, lệ phí phát sinh từ việc vận hành và hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế được để lại ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng trong thời gian không quá 10 năm kể từ khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập để đầu tư hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 30. Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh

1. Nhà đầu tư, Thành viên và các bên liên quan được sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp theo pháp luật Việt Nam.

2. Ngoài các phương thức giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với nhà đầu tư ngoài Trung tâm tài chính quốc tế về hoạt động đầu tư kinh doanh trong Trung tâm tài chính quốc tế được giải quyết tại một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

a) Trọng tài nước ngoài;

b) Trọng tài quốc tế;

c) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Trọng tài Việt Nam;

đ) Tòa án nước ngoài;

e) Tòa án Việt Nam.

3. Trường hợp có thỏa thuận giữa các bên liên quan bằng văn bản, tranh chấp giữa các Thành viên hoặc tranh chấp giữa Thành viên với bên khác được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế thì Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành, quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế về việc giải quyết tranh chấp là chung thẩm, có hiệu lực thi hành.

Các bên tranh chấp có quyền thỏa thuận từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án hủy quyết định công nhận hoà giải thành hoặc phán quyết trọng tài có hiệu lực pháp luật của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế. Tòa án không giải quyết yêu cầu hủy phán quyết, quyết định của Hội đồng trọng tài khi các bên đã có văn bản thỏa thuận từ bỏ quyền này.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quản lý, giám sát đối với Trung tâm tài chính quốc tế

Việc quản lý, giám sát tại Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện theo thông lệ quốc tế, dựa trên rủi ro.

Điều 32. Trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, ngành

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thi hành Nghị quyết này; ban hành, chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan ban hành hoặc trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách tại Nghị quyết này.

2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều 6, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 30 và 31 của Nghị quyết này.

Điều 33. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, trong phạm vi thẩm quyền được giao, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Điều 34. Giám sát thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn đại biểu Quốc hội thành

phố Đà Nẵng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực hiện Nghị quyết, góp ý xây dựng để hoàn thiện cơ chế chính sách cho Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 35. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Chính phủ sơ kết và báo cáo Quốc hội việc thực hiện Nghị quyết sau 05 năm thực hiện. Chậm nhất ngày 30 tháng 3 năm 2034, Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết và đề xuất ban hành Luật về Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này mà đến thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành.

Các dự án, hoạt động đã được chấp thuận và hưởng ưu đãi theo Nghị quyết này trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực, nếu chưa kết thúc vào thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực, thì được tiếp tục hưởng các ưu đãi theo Nghị quyết này cho đến khi dự án, hoạt động kết thúc.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn